

Đề thi Giữa kì 1 Toán lớp 5

(Bộ sách: Cánh diều)

Thời gian làm bài: phút

(Đề 1)

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số “Bảy mươi năm phẩy một trăm ba mươi hai” được viết là: **(0,5 điểm)**

A. 75,132

B. 75,123

C. 75,213

D. 75,321

Câu 2. Số thập phân tương ứng với phần tô màu trong hình vẽ dưới đây là: **(0,5 điểm)**



A. 4,6

B. 6,4

C. 0,4 D. 0,6

Câu 3. Trong các số thập phân dưới đây, số lớn nhất là: **(0,5 điểm)**

A. 80,84

B. 80,804

C. 81,04

D. 81,104

Câu 4. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 24 m, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Tính diện tích mảnh đất đó. **(0,5 điểm)**

A. 15 m²

B. 432 m²

C. 105 m²

D. 28 m²

Câu 5. Trong các số đo dưới đây, số đo bé nhất là: **(0,5 điểm)**

A. 470 000 m²

B. 22 ha

C. 68 km²

D. 1 km²

Câu 6. Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 1 km, chiều rộng là 1 200 m. Hỏi diện tích khu vườn đó bằng bao nhiêu héc-ta? **(0,5 điểm)**

A. 240 ha

B. 2 400 ha

C. 120 ha

D. 24 ha

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1: Đọc các số thập phân sau: **(1 điểm)**

a) 8,29:

.....

b) 3,018:

.....

c) 24,24:

.....

d) 231,01:

.....

Bài 2. Viết tiếp vào chỗ trống cho thích hợp. (1 điểm)

Cho biết thời gian chạy 100 m của các bạn như sau:

Tên các bạn	Thủy	Nam	Hoàng	Ngọc
Thời gian chạy	15,5 giây	11,55 giây	10,45 giây	13,48 giây

a) Bạn chạy nhanh nhất, bạn chạy chậm nhất.

b) Tên các bạn viết theo thứ tự từ chạy nhanh nhất đến chạy chậm nhất là:

.....

Bài 3. Viết số thích hợp vào ô trống (2 điểm)

a) Tổng hai số là 456, số lớn gấp 5 lần số bé

Vậy: Số bé là, số lớn là

b) Hiệu hai số là 95, số bé bằng ~~49~~49 số lớn

Vậy: Số bé là, số lớn là

Bài 4. Điền dấu thích hợp (>, <, =) vào chỗ chấm (1 điểm)

a) 0,032 ha 3 200 m²

b) 2 ha 9 m² 2 900 m²

Bài 5. Điền một hoặc nhiều số tự nhiên vào chỗ chấm: (1 điểm)

a) 3,8 < < 5,007

b) 35,63 < < 36,03

Bài 6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

Một hình vuông có độ dài cạnh là 57 cm. Diện tích hình vuông đó là dm²

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

I. Phần trắc nghiệm

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
A	C	D	B	B	C

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1.

- a) 8,29: Tám phẩy hai mươi chín
- b) 3,018: Ba phẩy không trăm mười tám
- c) 24,24: Hai mươi tư phẩy hai mươi tư.
- d) 231,01: Hai trăm ba mươi một phẩy không một.

Bài 2.

- a) Bạn **Hoàng** chạy nhanh nhất, bạn **Thủy** chạy chậm nhất.
- b) Tên các bạn viết theo thứ tự từ chạy nhanh nhất đến chạy chậm nhất là:

Hoàng, Nam, Ngọc, Thủy.

Bài 3.

- a) Tổng hai số là 456, số lớn gấp 5 lần số bé

Vậy: Số bé là **76**, số lớn là **380**.

Giải thích

Số lớn gấp 5 lần số bé hay tỉ số giữa số lớn và số bé là: 51

Tổng số phần bằng nhau là:

$$5 + 1 = 6 \text{ (phần)}$$

Giá trị của một phần hay số bé là:

$$456 : 6 = 76$$

Số lớn là:

$$76 \times 5 = 380$$

b) Hiệu hai số là 95, số bé bằng ⁴⁹49 số lớn

Vậy: Số bé là **76**, số lớn là **171**

Giải thích

Hiệu số phần bằng nhau là:

$$9 - 4 = 5$$

Giá trị của một phần là:

$$95 : 5 = 19$$

Số bé là:

$$19 \times 4 = 76$$

Số lớn là:

$$19 \times 9 = 171$$

Bài 4.

a) $0,032 \text{ ha} < 3 \text{ 200 m}^2$

b) $2 \text{ ha } 9 \text{ m}^2 > 2 \text{ 900 m}^2$

Giải thích

$$3 \text{ 200 m}^2 = 0,32 \text{ ha}$$

$$\text{Vì } 0,032 \text{ ha} < 0,32 \text{ ha}$$

Giải thích

$$2 \text{ ha } 9 \text{ m}^2 = 2 \times 10 \text{ 000 m}^2 + 9 \text{ m}^2$$

$$= 20 \text{ 009 m}^2$$

nên $0,032 \text{ ha} < 3\,200 \text{ m}^2$

Vì $20\,009 \text{ m}^2 > 2\,900 \text{ m}^2$

nên $2 \text{ ha } 9 \text{ m}^2 > 2\,900 \text{ m}^2$

Bài 5.

a) $3,8 < 4$ và $5 < 5,007$

b) $35,63 < 36 < 36,03$

Bài 6.

Một hình vuông có độ dài cạnh là 57 cm . Diện tích hình vuông đó là **$32,49 \text{ dm}^2$**

Giải thích

Diện tích hình vuông đó là:

$$57 \times 57 = 3\,249 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$\text{Đổi } 3\,249 \text{ cm}^2 = 32,49 \text{ dm}^2$$